

(32) Chương sáu: SÁCH HUẤN CA (XI-RA) (*)

Alexander A. Di Lella, O.F.M.

Tài liệu Tham khảo

1. Văn bản và Phiên bản:

Biblia Sacra iuxta latinam vulgatam versionem 12 [Sách Thánh theo ấn bản Latinh phổ thông] (Rome, 1964).
The Book of Ben Sira [Sách Ben Xira] (Jerusalem, 1973).
Di Lella, A. A., "The Recently Identified Leaves of Sirach in Hebrew [Những lá sách Xi-ra mới được nhận diện bằng tiếng Do Thái]," *Bib* 45 (1964) 153-67; "The Newly Discovered Sixth Manuscript of Ben Sira from the Cairo Geniza [Bản thảo thứ sáu của Ben Sira mới được phát hiện từ Cairo Geniza]," *Bib* 69 (1988) 226-38.
Sanders, J. A., *The Psalms Scroll from Qumran Cave 11* [Cuộn Thánh vịnh từ Qumran Hang động 11] (11QPs1) (DJD 4; Oxford, 1965).
Vattioni, F., *Ecclesiastico: Testo ebraico con apparato critico e versioni greca, latina e siriana* [Sách Huấn Ca: Văn bản tiếng Do Thái có chú thích và các phiên bản tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh và tiếng Syria] (Naples, 1968).
Yadin, Y., *The Ben Sira Scroll from Masada* [Cuộn sách Ben Sira từ Masada] (Jerusalem, 1965).
Ziegler, J., *Sapientia Iesu Filii Sirach* [Sự khôn ngoan của Giê-su, Con Xi-ra] (Septuaginta 12/2; Göttingen, 1965).

Bình luận và Nghiên cứu Đặc biệt:

Box, G. H. và W. O. E. Oesterley, "The Book of Sirach [Sách Huấn Ca]" *APOT*.
Crenshaw, J. L., "The Problem of Theodicy in Sirach: On Human Bondage [Vấn đề thần lý học trong Xi-ra: Về sự ràng buộc của con người]," *JBL* 94 (1975) 47-64.
Di Lella, A. A., "Conservative and Progressive Theology: Sirach and Wisdom [Thần học bảo thủ và tiến bộ: Xi-ra và Khôn ngoan]," *CBQ* 28 (1966) 139-54; *The Hebrew Text of Sirach* [Văn bản tiếng Do Thái của Xi-ra] (The Hague, 1966); "The Poetry of Ben Sira [Thơ của Ben Sira]," *Harry M. Orlinsky Volume* (Erls 16; Jerusalem, 1982) 26*-33*.
Duesberg, H. và I. Fransen, *Ecclesiastico* (LSB; Turin, 1966).
Haspecker, J., *Gottesfurcht bei Jesus Sirach* [Kính sợ Thiên Chúa trong sách Xi-ra] (AnBib 30; Rome, 1967).
Kearns, C., *Ecclesiasticus* (NCCHS; London 1969).
Levi, I., *L'Ecclesiastique* (Paris, 1898-1901).
MacKenzie, R. A. F., *Sirach* (OTM 19; Wilmington, 1983).
Middendorp, T., *Die Stellung Jesus hen Siras zwischen Judentum und Hellenismus* [Vị trí của Xi-ra giữa Do Thái giáo và nền văn hóa Hy Lạp] (Leiden, 1973).
Peters, N., *Das Buch Jesus Sirach oder Ecclesiasticus* [Sách Xi-ra hay sách Huấn ca] (EHAT 25; Munster, 1913).
Prato, G. L., *Il problema della teodicea in Ben Sira* [Vấn đề thần lý học trong Ben Xi-ra] (AnBib 65; Rome 1975).
Rickenbacher, O., *Weisheitsperikopen bei Ben Sira* [Những câu thơ khôn ngoan của Ben Xi-ra] (OBO 1; Freiburg, 1973).
Ruger, H. P., *Text und Textform im hebraischen Sirach* [Bản văn và hình thức bản văn trong sách Xi-ra tiếng Do Thái] (BZAW 112; Berlin, 1970).
Skehan, P. W. và A. A. Di Lella, *The Wisdom of Ben Sira* (Khôn ngoan của Ben Xi-ra) (AB 39; GC, 1987).
Smend, R., *Die Weisheit des Jesus Sirach erklärt* [Sự khôn ngoan của Xi-ra được giải thích] (Berlin, 1906).
Snaith, J. G., *Ecclesiasticus* (CBC; Cambridge, 1974).
Spicq, C., *L'Ecclesiastique* (Sainte Bible 6; Paris, 1951).

Dẫn nhập

2. (I). Tựa đề, Tác giả và Mục đích. Trong số những sách đầu tiên của Cựu Ước thuộc đệ nhị qui điển (deuterocanonical), Huấn ca là một trong những tác phẩm Kinh thánh hiếm hoi thực sự được biên soạn bởi tác giả mà nó được gán cho. Một trong những sách dài nhất của Kinh thánh, Huấn ca chứa đựng phần rộng rãi nhất của văn chương khôn ngoan của Israel

được lưu truyền cho đến ngày nay. Tựa đề gốc bằng tiếng Do Thái, theo bản chép tay B Cairo, là "The Wisdom of Yeshua [Jesus] ben [son of] Eleazar ben Sira [Khôn ngoan của Giết-sua [Giêsu] con trai của Eleazar con trai Xi-ra]." Tựa đề "Sirach" là phiên âm của tên được tìm thấy trong bản chép tay tiếng Hy Lạp. Tựa đề "Ecclesiasticus", có lẽ có nghĩa là sách giáo hội (hoặc Giáo hội), được tìm thấy trong nhiều bản thảo tiếng Latinh và vẫn có thể được nhìn thấy trong các bản dịch *NJB*, *NEB* và *RSV*.

Lưu ý rằng tất cả các số chương và câu trong Huấn ca đều là những số được tìm thấy trong phiên bản phê bình của Ziegler, một cách đánh số theo sau trong *The Wisdom of Ben Sira* (AB 39) và *New RSV* (1990). Thật không may, hầu hết các bản dịch (ví dụ: *NAB*, *RSV*, *NEB*) đều có cách liệt kê không tương ứng với cách đánh số tiếng Hy Lạp hoặc tiếng Latinh; kết quả là gây nhầm lẫn.

Có rất ít nghi ngờ rằng toàn bộ cuốn sách được biên soạn bởi một tác giả, Ben Sira, người sống vào thế kỷ 3 và đầu thế kỷ 2 TCN. Là người bản xứ Giêrusalem (50:27 tiếng Hy Lạp), ông đã dành cả cuộc đời để nghiên cứu Lễ Luật, Tiên tri và Thành thư [writings](xem lời tựa) và trở thành một luật sĩ và giáo viên được kính trọng, người điều hành một học viện dành cho những người đàn ông Do Thái trẻ tuổi (51:23-30). Trong những chuyến du hành dài ngày của mình (34: 12-13), ông đã tiếp xúc với các nền văn hóa và truyền thống khôn ngoan khác và có được "nhiều sự khôn khéo" (34: 11); và ông không ngần ngại sử dụng những gì mình đã học được miễn là ông có thể làm cho nó phù hợp với di sản và truyền thống Do Thái của mình (39: 1-11).

Ben Sira đã viết cuốn sách của mình không phải vì lợi ích bản thân (51:25) mà là "cho tất cả những ai tìm kiếm huấn giáo" (33: 18). Ông không có ý định viết một bài luận chiến có hệ thống chống lại văn hóa Hy Lạp, vốn đã gây ảnh hưởng khắp Cận Đông. Đúng hơn, mục đích của ông là chứng minh rằng lối sống của người Do Thái vượt trội hơn nền văn hóa Hy Lạp và những lời tán tụng của nó và sự khôn ngoan thực sự chủ yếu được tìm thấy ở Giêrusalem, chứ không phải ở Athens. Do đó, người Do Thái tốt không nên khuất phục trước sự cám dỗ theo lối sống của người Hy Lạp.

3. (II). Ngày soạn tác. Cháu trai của Ben Sira tuyên bố trong lời tựa cho bản dịch tiếng Hy Lạp của mình rằng ông đã đến Ai Cập vào năm thứ 38 dưới triều đại của Vua Euergetes, người chỉ có thể là Ptolemy VII Physcon (170-164, 146-117). Do đó, năm đó sẽ là năm 132 TCN. Người cháu đã dịch tiếng Hy Lạp trong những năm tiếp theo và xuất bản sau khi Euergetes qua đời vào năm 117. Quay lại hai thế hệ (40 đến 50 năm) từ năm 132, chúng ta đi đến một ngày khoảng năm 180 để biên soạn cuốn sách. Ngày này được xác nhận bởi bài tán tụng, ở 50: 1- 21, về Si-mê-ôn II, thầy tế lễ thượng phẩm từ năm 219 đến 196; Ben Sira viết theo cách gợi ý rằng Si-mê-ôn đã chết từ lâu.

4.(III). Thể loại văn học và cách thức biên soạn. Lấy Châm ngôn làm mô hình, Ben Sira đã sử dụng các thể loại văn học sau: *māšāl* (tục ngữ, cách ngôn, châm ngôn; so sánh; mô hình, kiểu mẫu; chơi chữ), thánh ca ngợi khen, cầu nguyện xin ơn, tự truyện, liệt kê hoặc kể tên [onomastica], và tường thuật giáo huấn. Trong thi ca của mình, ông khéo léo sử dụng các biện pháp bao hàm, phép đảo ngữ [chiasm), phép điệp âm, phép trùng âm và phép vắn (xem Di Lella, "The Poetry of Be Sira [Thơ của Ben Sira]" [→ 1 ở trên]). Ông thường sáng tác các đơn vị 22 dòng (số chữ cái trong bảng chữ cái Do Thái - hoặc theo cách biến thể 23 dòng) để báo hiệu phần mở đầu hoặc kết thúc của một phần trong sách, để thể hiện sự thống nhất của một phần hoặc đơn giản là để thêm phần tao nhã; xem, ví dụ, 1:11-30, bài thơ mở đầu; 5:1-

6:4; 6:18-37, phần mở đầu của phần III; 22: 1-21; 49: 1-16, đơn vị cuối cùng về tổ tiên của Israel; 51: 13-30, một chữ cái viết tắt để kết thúc cuốn sách. Ben Sira đã học được kỹ thuật này từ các bản văn như Châm ngôn 2; 31: 10-31; Thánh Vịnh 9-10; 25; 33; 34; 119; Ai Ca 1-5.

5.(IV). Bản văn và Phiên bản. Cuốn sách ban đầu được biên soạn bằng tiếng Do Thái, như người cháu trai đã nêu trong lời tựa. Nhưng bản văn tiếng Do Thái, ngoại trừ một vài trích dẫn trong tài liệu của giáo sĩ Do Thái, đã bị thất lạc trong nhiều thế kỷ. Từ năm 1896 đến năm 1900, bốn bản thảo tiếng Do Thái (A, B, C, D), từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 12, đã được phục hồi từ Geniza của hội đường Do Thái Qaraite ở Cairo. Bản thảo E được phát hiện vào năm 1931 và nhiều bản thảo B và C hơn vào năm 1958 và 1960. Một mảnh khác được phát hiện vào năm 1982 bởi A. Scheiber. Trên thực tế, đây là bản thảo thứ sáu, F (xem Di Lella, *Bib* 69 [1988] 226-38). Một số người đặt câu hỏi liệu bản văn Geniza này có chân chính hay không, nhưng sự đồng thuận chung ủng hộ tính chân chính mặc dù bản văn có chứa một số bản dịch ngược từ tiếng Syria và có thể là từ tiếng Hy Lạp (xem Di Lella, *Hebrew Text of Sirach*, 23-105). Các đoạn trích từ Qumran (2Q 18 [thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên] và 11QPs^a [thế kỷ thứ 1 sau Công nguyên]) và Masada (thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên) đã xác nhận tính chân chính đáng kể của bản văn Geniza tiếng Do Thái (xem Yadin, *The Ben Sira Scroll* 7, 10). Khoảng 68 phần trăm tiếng Do Thái hiện vẫn còn tồn tại. Hai bản biên tập của bản tiếng Do Thái được tìm thấy trong các đoạn trích này.

Phiên bản Hy Lạp được lưu giữ ở hai dạng khác nhau, được gọi là GI (có trong các chữ hoa viết tay A, B, C, S và chữ viết tay phụ thuộc) và GII (trong các bản chép tay ngành Origen và Lucian). Trong phiên bản phê bình của Ziegler, GII được in ở dạng chữ nhỏ hơn. GI thường dựa trên bản sửa đổi tiếng Do Thái trước đó, và GII dựa trên bản sửa đổi sau đó. Bản Syria được dịch từ một bản tiếng Do Thái nguyên thủy đã hợp nhất hai bản sửa đổi tiếng Do Thái.

NAB và *The Wisdom of Ben Sira* (AB 39) cung cấp một bản dịch quan trọng dựa trên bản tiếng Do Thái cũng như các bản tiếng Hy Lạp và Syria. Bản *RSV Mới* (1990), mặc dù được dịch chủ yếu từ tiếng Hy Lạp, nhưng sử dụng tiếng Do Thái và Syria rộng rãi hơn nhiều so với *RSV* (1957).

6. (V). Tính qui điển. Một cuốn sách đệ nhị qui điển (deuterocanonical), Huân Ca, mặc dù được viết bằng tiếng Do Thái và xuất bản ở Giêrusalem trước Đa-ni-en (khoảng năm 165 trước Công nguyên), nhưng không được đưa vào qui điển Do Thái có lẽ là vì những người Pharisêu đã quyết định qui điển đó vào gần cuối thế kỷ thứ nhất Công nguyên đã không tán thành một số thần học của Ben Sira (ví dụ, việc ông phủ nhận sự trừng phạt ở thế giới bên kia). Tuy nhiên, Huân Ca thường được trích dẫn, thậm chí là Kinh Thánh, bởi nhiều giáo sĩ Do Thái sau này.

Giáo hội sơ khai (ví dụ, *Didache*, Clê-men-tê thành Rô-ma, I-rê-nê, Ter-tu-li-a-nô) coi Huân Ca là qui điển. Có nhiều ám chỉ đến cuốn sách này trong Tân Ước, đặc biệt là trong thư Gia-cô-bê. Các giáo phụ của giáo hội thường xuyên chứng thực tính qui điển của Huân Ca hơn là một số sách đệ nhất qui điển.

(*)*The New Jerome Biblical Commentary, Student Edition* các tr. 496-497